Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu kỹ thuật (mang tính kỹ thuật thuần túy) và các yêu cầu khác liên quan đến việc cung cấp hàng hóa (trừ giá). Yêu cầu về kỹ thuật phải được nêu đầy đủ, rõ ràng và cụ thể để làm cơ sở cho nhà thầu lập E-HSDT.

Trong yêu cầu về kỹ thuật không được đưa ra các điều kiện nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng, đồng thời cũng không đưa ra các yêu cầu quá cao dẫn đến làm tăng giá dự thầu hoặc làm hạn chế sự tham gia của các nhà thầu, không được nêu yêu cầu về tên, ký mã hiệu, nhãn hiệu cụ thể của hàng hóa.

Hồ sơ mời thầu được nêu nhãn hiệu, catalô của một sản phẩm cụ thể để tham khảo, minh họa cho yêu cầu về kỹ thuật của hàng hóa nhưng phải ghi kèm theo cụm từ "hoặc tương đương" sau nhãn hiệu, catalô đồng thời phải quy định rõ nội hàm tương đương với hàng hóa đó về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng, thiết kế công nghệ, tiêu chuẩn công nghệ và các nội dung khác (nếu có) để tạo thuận lợi cho nhà thầu trong quá trình chuẩn bị E-HSDT mà không được quy định tương đương về xuất xứ.

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

Mục này nêu thông tin tóm tắt về dự án/dự toán mua sắm và gói thầu như địa điểm thực hiện dự án/dự toán mua sắm, quy mô của dự án/dự toán mua sắm, yêu cầu về cung cấp hàng hóa thuộc gói thầu, thời gian thực hiện gói thầu và những thông tin khác tùy theo tính chất và yêu cầu của gói thầu.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu về kỹ thuật chung và yêu cầu về kỹ thuật chi tiết đối với hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu, cụ thể:

a) Yêu cầu về kỹ thuật chung là các yêu cầu về chủng loại, tiêu chuẩn hàng hóa và các yêu cầu về kiểm tra, thử nghiệm, đóng gói, vận chuyển, điều kiện khí hậu tại nơi hàng hóa được sử dụng. Tùy thuộc vào sự phức tạp của hàng hóa, các yêu cầu kỹ thuật chung được nêu cho tất cả các hàng hóa hoặc cho từng loại hàng hóa riêng biệt.

b) Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể như tính năng, thông số kỹ thuật, các bản vẽ, catalô, các thông số bảo hành… được nêu cho từng loại hàng hóa. Khi nêu yêu

cầu, các thông số kỹ thuật có thể được mô tả dưới hình thức bảng biểu. Mục đích của phần Thông số kỹ thuật là xác định các đặc tính kỹ thuật của hàng hóa và dịch vụ liên quan theo yêu cầu của gói thầu. Chủ đầu tư phải soạn thảo chi tiết phần Thông số kỹ thuật trên cơ sở xem xét đến những yếu tố sau:

- Thông số kỹ thuật bao gồm các tiêu chuẩn làm căn cứ cho Chủ đầu tư, tổ chuyên gia xác minh tính đáp ứng về mặt kỹ thuật và đánh giá E-HSDT. Do đó, nếu thông số kỹ thuật được xác định đầy đủ, rõ ràng thì sẽ giúp nhà thầu chuẩn bị tốt E-HSDT và có tính đáp ứng cao, đồng thời giúp tổ chuyên gia nghiên cứu, đánh giá và so sánh các E-HSDT.

- Thông số kỹ thuật yêu cầu tất cả các hàng hóa và vật liệu, vật tư sử dụng cho hàng hóa phải mới, chưa qua sử dụng, sử dụng toàn bộ các cải tiến mới nhất về thiết kế và vật liệu, trừ trường hợp có quy định cụ thể khác trong hợp đồng.

- Thông số kỹ thuật phải đủ khái quát để tránh gây hạn chế liên quan đến các yêu cầu tay nghề và vật tư thiết bị thường được sử dụng để sản xuất các hàng hóa thuộc loại tương tự.

- Thông số kỹ thuật phải mô tả đầy đủ các yêu cầu liên quan và không giới hạn ở những điểm sau đây:

+ Các tiêu chuẩn về vật liệu, vật tư và tay nghề cần thiết để sản xuất chế tạo hàng hóa;

+ Các yêu cầu chi tiết về thử nghiệm (loại hình và số lần thử);

+ Các công việc bổ sung khác và/hoặc các dịch vụ liên quan cần thiết để giao hàng/hoàn thành đầy đủ;

+ Các hoạt động cụ thể mà Nhà thầu sẽ phải thực hiện và sự tham gia của Chủ đầu tư;

+ Danh sách các yêu cầu bảo đảm chức năng vận hành cụ thể thuộc phạm vi bảo hành và quy định bồi thường thiệt hại nếu các yêu cầu bảo đảm nói trên không được thực hiện.

- Thông số kỹ thuật phải nêu rõ tất cả các đặc tính và yêu cầu về công năng và kỹ thuật, bao gồm các giá trị tối đa và tối thiểu được bảo đảm hoặc được chấp nhận, tùy theo trường hợp. Nếu cần, Chủ đầu tư phải cung cấp thêm một biểu mẫu đặc biệt để Nhà thầu cung cấp các thông tin chi tiết về các đặc tính công năng và kỹ thuật của hàng hóa so với các giá trị được bảo đảm hoặc được chấp nhận.

- Tiến độ giao hàng, ngày hoàn thành dịch vụ theo yêu cầu tại các mẫu số 01A, 01B, 01C và 01D Chương IV. Nếu Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu cung cấp trong E-HSDT của mình một phần hoặc toàn bộ các thông số kỹ thuật, các bảng biểu kỹ thuật hoặc các thông tin kỹ thuật khác thì Chủ đầu tư phải quy định rõ tính chất và mức độ thông tin yêu cầu và cách trình bày các thông tin đó trong E-HSDT.

[Nếu yêu cầu cung cấp bản tóm tắt thông số kỹ thuật thì Chủ đầu tư phải ghi thông tin vào bảng dưới đây. Nhà thầu sẽ soạn một bảng tương tự để chứng minh hàng hóa do nhà thầu chào tuân thủ với các yêu cầu đó].

Tóm tắt thông số kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ liên quan. Hàng hóa, dịch vụ liên quan phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn sau đây:

Hạng mục số	**Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan**	**Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn**
[ghi số hiệu hạng mục]	[ghi tên]	[ghi thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn]
Lô 1: Vật tư xây dựng công trình cơ bản		
1	Bản lề chữ A (lắp cho cửa sổ)	Dùng cho cửa sổ quay 12 inch , bản 22x1.5mm Vật liệu inox SUS304,
2	Bộ khóa cửa kính cường lực (phòng BOOM)	Khóa cửa kính không khung, vật liệu inox sus 304 khóa bên ngoài Kích thước dài 160mm, khe hở kẹp kính dày 10-12mm, Inox sáng bóng
3	Bộ khóa gạt tay cửa chống cháy	Kích thước 260x52x11,5mm Nhôm hợp kim, mầu ghi
4	Bộ khóa gạt tay cửa chống cháy (1tr)	Kích thước 200 x 50.5 x 10.5 mm Nhôm hợp kim, mầu ghi
5	Bộ tay co thủy lực	Loại dùng cho cửa to 80-120kg Vật liệu hợp kim nhôm hoặc thép không rỉ; mầu Ghi
6	Cát đen	Cát đen sàng sạch
7	Cát vàng	Cát vàng sàng sạch đổ bê tông xây dựng
8	Đá 1x2	Đá 1x2

9	Đá ốp cột, ốp cầu thang	Đá granite tự nhiên; dày 18–20mm; bề mặt đánh bóng;
10	Gạch lát nền	Kích thước 600x600x8mm, mầu trắng sữa
11	Tấm alumium	Nhựa phủ nhôm, Kích thước 1220x2440x3mm; Mầu ghi
12	Tấm trần	Tấn trần sợi khoáng, kích thước 600x600x10mm; Mầu trắng sữa
13	Tay nắm cửa sổ	Inox 304 hoặc nhôm hợp kim; Kích thước 100 – 150 mm
14	Xi măng	Xi măng PC30, Trọng lượng: 50kg/bao.
Lô 2: Vật tư thay thế, sửa chữa hạ tầng Đường sắt sản xuất đơn giản		
1	Đệm các loại:	
1.1	Loại 1	Tấm đệm phức hợp inox, cao su độ cứng trên 70SoA Kích thước: 180x150x10 Số lượng: 200 cái
1.2	Loại 2	Tấm đệm cao su độ cứng trên 70SoA Số lượng: 1825 cái Kích thước: 185x147x10
1.3	Loại 3	Polyetylen mật độ cao Kích thước 470x175x2

<table>
<tr><td></td><td></td><td>Số lượng: 7618 cái
 </td></tr>
<tr><td>1.4</td><td>Loại 4</td><td>Polyetylen mật độ cao
Kích thước: 440x180x5
Số lượng: 7618 cái
 </td></tr>
<tr><td>1.5</td><td>Loại 5</td><td>Polyetylen mật độ cao
Kích thước:170x150x2
Số lượng: 1825 cái
 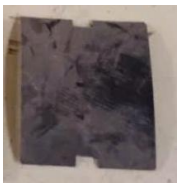 </td></tr>
<tr><td>1.6</td><td>Loại 6</td><td>Cao su độ cứng trên 70SoA
Kích thước: 475x180x10
Số lượng: 2300 cái
 </td></tr>
<tr><td>2</td><td>Sắt mối</td><td>Bulong M24x145 TB/T2347 hoặc tương đương</td></tr>
<tr><td>3</td><td>Tà vẹt gỗ</td><td>Gỗ nhóm 2, kích thước 250*180*L (L là kích thước chiều dài theo yêu cầu):
<table>
<tr><th>STT</th><th>KÍCH THƯỚC TV L (mm)</th><th>SỐ LƯỢNG YÊU CẦU</th><th></th></tr>
<tr><td>1</td><td>2500</td><td>45</td><td rowspan="6"></td></tr>
<tr><td>2</td><td>2600</td><td>83</td></tr>
<tr><td>3</td><td>2800</td><td>61</td></tr>
<tr><td>4</td><td>2900</td><td>4</td></tr>
<tr><td>5</td><td>3000</td><td>14</td></tr>
<tr><td>6</td><td>3100</td><td>1</td></tr>
</table></td></tr>
</table>

		7	3200	6	
		8	3400	13	
		9	3500	2	
		10	3600	19	
		11	3800	15	
		12	4000	15	
		13	4100	1	
		14	4200	5	
		15	4400	26	
		16	4600	2	
		17	4700	1	
		18	4800	11	
		19	4900	1	
		20	5200	1	
			Tổng	**326**	
4	Tấm đan (80x60x10)	Bê tông cốt thép			
5	Thanh giằng	Φ30; ren 2 đầu ren thường L350mm, tổng chiều dài 1800, 2 củ đậu nối thanh răng dùng cho đường 1435; Vật liệu S45C hoặc tương đương			
6	Đá 2,5:5	Đá 2,5:5			
7	Căn các loại:				
7.1	Căn C8-10	Vật liệu: Poliamit tăng cường sợi thủy tinh 66 hoặc tương đương Số lượng: 4350 cái			
7.2	Căn C6-12	Vật liệu: Poliamit tăng cường sợi thủy tinh 66 hoặc tương đương Số lượng: 4350 cái			
7.3	Căn C4-14	Vật liệu: Poliamit tăng cường sợi thủy tinh 66 hoặc tương đương Số lượng: 4350 cái			
7.4	Căn C2-16	Vật liệu: Poliamit tăng cường sợi thủy tinh 66 hoặc tương đương			

		Số lượng: 4333 cái
7.5	Căn ghi:	
7.5.1	Căn ghi 2-16	Vật liệu: Poliamit tăng cường sợi thủy tinh 66 hoặc tương đương Số lượng: 1285 cái
7.5.2	Căn ghi 6-16	Vật liệu: Poliamit tăng cường sợi thủy tinh 66 hoặc tương đương Số lượng: 1285 cái
7.5.3	Căn ghi 4-14	Vật liệu: Poliamit tăng cường sợi thủy tinh 66 hoặc tương đương Số lượng: 1280 cái
8	Kẹp chữ E.	Loại thép đàn hồi ϕ20, rộng 107, cao 45; vật liệu 60Si2Mn/60Si2CrA tương đương
9	Đệm sắt:	
9.1	Loại 1	Vật liệu thép QT450-10 hoặc tương đương; Số lượng 12 cái Kích thước: 465x170x15
9.2	Loại 2	Vật liệu thép QT450-10 hoặc tương đương; Số lượng 12 cái Kích thước:320x170x15
9.3	Loại 3	Vật liệu thép QT450-10 hoặc tương đương; Số lượng 12 cái

		KT: 305x168x15
9.4	Loại 4	Vật liệu thép QT450-10 hoặc tương đương; Số lượng 12 cái KT: 430x170x20y
9.5	Loại 5	Sắt QT450-10 hoặc tương đương; Số lượng 124 cái KT: 110x100x6
Lô 3: Vật tư thay thế, sửa chữa hạ tầng Đường sắt sản xuất phức tạp		
1	Cóc các loại:	
1.1	Cóc đàn hồi loại A	*Cóc kẹp ray* Loại thép đàn hồi ϕ16, vật liệu 60Si2Mn/60Si2CrA tương đương Số lượng: 3850 cái.
1.2	Cóc đàn hồi loại B	*Cóc kẹp ray* Loại thép đàn hồi ϕ20, rộng 107, cao 45 vật liệu 60Si2Mn/60Si2CrA tương đương Số lượng: 17.383 cái.
2	Ray hộ luân P15	Ray nhẹ P15; 3.8*0.401*0.258 theo tiêu chuẩn TB/T2344 hoặc tương đương

Thông số kỹ thuật chi tiết và các tiêu chuẩn chi tiết (khi cần thiết).

[Mô tả chi tiết thông số kỹ thuật]

Mục 2. Bản vẽ

Không có bản vẽ

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có: ____ *[ghi danh sách các kiểm tra và thử nghiệm]*.